| TÒA ÁN NHÂN DÂN<br>TỈNH TÂY NINH | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM<br>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc |
|---|---|

Bản án số: 119/2018/DS-PT
Ngày: 27-6-2018
V/v Tranh chấp về thừa kế tài sản

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đặng Thị Đồng.

*Các Thẩm phán:* Bà Trương Thị Tuyền; bà Nguyễn Thị Thúy Phượng.

***Thư ký phiên tòa:*** Ông Thái Công Hậu, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:*** Bà Đặng Thị Châu – Kiểm sát viên.

Vào các ngày 30 tháng 5; 22 và 27 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 338/2017/TLPT-DS ngày 29 tháng 12 năm 2017, về việc "Tranh chấp về thừa kế tài sản"; do Bản án Dân sự sơ thẩm số: 59/2017/DS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2017, của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 76/2018/QĐ-PT ngày 24 tháng 5 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Phan Kim V, sinh năm 1970; cư trú tại: Ấp B, xã H, huyện T, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Phan V1, của Văn phòng Luật sư Phan V1, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Tây Ninh; có mặt.

- *Bị đơn:*

+ Bà Phan Thị G, sinh năm 1955; cư trú tại: Ấp A, xã H, huyện T, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt;

Người đại diện theo ủy quyền của bà Phan Thị G: Anh Huỳnh Minh T1, sinh năm 1982; cư trú tại: Ấp A, xã H, huyện T, tỉnh Tây Ninh; theo Giấy ủy quyền ngày 05-9-2017; có mặt.

+ Bà Phan Kim P, sinh năm 1966; cư trú tại: Ấp A, xã H, huyện T, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Phan Kim P: Ông Bùi Phúc T2, sinh năm 1979; cư trú tại: Chung cư C4 M, phường H1, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Anh Huỳnh Minh T1, sinh năm 1982; chị Lê Thị T3, sinh năm 1984; cùng cư trú tại: Ấp A, xã H, huyện T, tỉnh Tây Ninh; có mặt;

Người đại diện theo ủy quyền của chị Lê Thị T3: Anh Huỳnh Minh T1; theo Giấy ủy quyền ngày 09-9-2015.

+ Chị Trần Thị Hồng Đ, sinh năm 1989; cư trú tại: Ấp A, xã H, huyện T, tỉnh Tây Ninh; có mặt;

+ Anh Huỳnh Quang V2, sinh năm 1984; cư trú tại: Ấp A, xã H, huyện T, tỉnh Tây Ninh; yêu cầu xét xử vắng mặt;

+ Ông Lý Cẩm H2, sinh năm 1955; bà Lê Thị L, sinh năm 1960; cùng cư trú tại: Ấp A, xã H, huyện T, tỉnh Tây Ninh; ông H2 có mặt; bà L vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Lý Cẩm H2, bà Lê Thị L, anh Huỳnh Minh T1, chị Lê Thị T3, anh Huỳnh Quang V2: Luật sư Bùi Phúc T2, của Công ty Luật Hợp danh Nam Trí V3, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh; có mặt.

- *Người kháng cáo:* Bà Phan Kim V là nguyên đơn.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo Đơn khởi kiện ghi ngày 13-7-2015 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn - bà Phan Kim V trình bày:*

Cha bà là cụ Phan Văn T4 (chết năm 2007), mẹ là cụ Trần Thị L1, (chết năm 2014). Cụ T4 và cụ L1 có 03 người con chung gồm: Phan Thị G, Phan Kim P và bà là Phan Kim V. Ngoài ra, không có con riêng hay con nuôi nào khác.

Cụ T4, cụ L1 có tài sản chung gồm:

- 450 $m^2$ đất thổ cư, tọa lạc tại tổ 7, ấp A, xã H, huyện T, tỉnh Tây Ninh, có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cụ T4 đứng tên, trên đất có một căn nhà cấp 4, xây dựng năm 1997. Sau khi cụ L1 chết, anh V2 làm thủ tục hưởng thừa kế theo di chúc và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng bà không thừa nhận vì di chúc không đúng pháp luật. Nhà đã hư anh V2 làm lại nhưng 02 cây cột gỗ vẫn còn.

- 2.531 $m^2$ đất LNK, số thửa 50, tờ bản đồ 34, tọa lạc tại tổ 7, ấp A, xã H, huyện T, tỉnh Tây Ninh. Nguồn gốc đất là do 02 cụ mua vào năm 1975, cụ T4 kê khai đăng ký, đến năm 2007 cụ T4 chết, Ủy ban nhân dân huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: H02775/2393/QĐ-UB ngày 26-12-2007 cho cụ L1, cụ L1 tự ý tặng cho chị Trần Thị Hồng Đ (con của bà Phan Kim P). Sau khi được cho, chị Đ đã chuyển nhượng cho vợ chồng ông Lý Cẩm H2, bà Lê Thị L.

- 13.200 $m^2$ đất trồng lúa, thửa số 1568, tờ bản đồ 06, tọa lạc tại tổ 27, ấp B, xã H, huyện T, tỉnh Tây Ninh. Phần đất này trước đây 02 cụ đã giao cho bà đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nhưng sau đó bà kết hôn nên kiện đòi lại, theo Bản án số: 52/2007/DS-ST ngày 12-06-2007, của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Tây Ninh, buộc bà trả 8.560 $m^2$, còn lại 4.640 $m^2$ giao cho bà sử

dụng. Cụ L1 tự ý chuyển nhượng cho vợ chồng anh Huỳnh Minh T1, chị Lê Thị T3 (con của bà Phan Thị G).

Bà khởi kiện yêu cầu như sau:

- Hủy các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho anh Huỳnh Quang V2; anh Huỳnh Minh T1, chị Lê Thị T3; ông Lý Cẩm H2, bà Lê Thị L;

- Chia thừa kế tài sản của cụ T4 và cụ L1 theo quy định pháp luật cho bà được hưởng 1/3 trong tổng số tài sản nêu trên, yêu cầu chia bằng hiện vật. Trong đó, ngôi nhà cấp 4 đã hư hỏng, chỉ còn 02 cây cột gỗ trị giá 10.000.000 đồng, yêu cầu chia bằng tiền.

*Bị đơn - bà Phan Kim P trình bày:*

Bà thống nhất về người thừa kế của cụ T4, cụ L1, ngày chết và khối di sản của 02 cụ chết để lại như bà V trình bày.

Ngày 21-8-2006, cụ T4, cụ L1 lập di chúc chung để lại tài sản là 450 $m^2$ đất thổ cư cho con của bà G là anh Huỳnh Quang V2. Di chúc đã được Phòng Công chứng Số 3 tỉnh Tây Ninh công chứng. Tháng 2-2014, cụ L1 chết, di chúc của cụ T4 và cụ L1 lập chung có hiệu lực nên anh V2 đã thực hiện xong thủ tục hưởng thừa kế theo di chúc.

Năm 2004, cụ T4 và cụ L1 sang tên giấy chứng nhận quyền sử dụng phần 13.200 $m^2$ đất LNK cho bà V, với điều kiện bà V phải phụng dưỡng 02 cụ suốt đời nhưng khi sang tên đất xong bà V không phụng dưỡng nên cụ T4, cụ L1 khởi kiện đòi lại 8.560 $m^2$, còn 4.640 $m^2$ cho bà V.

Khi cụ T4 già yếu, có viết giấy ủy quyền, giao lại toàn bộ tài sản chung là 2.531 $m^2$ đất LNK và 8.560 $m^2$ đất trồng lúa cho cụ L1 toàn quyền quyết định.

Sau khi cụ T4 chết, mặc dù không họp mặt gia đình để chia di sản thừa kế nhưng cụ L1 và chị, em của bà đã thống nhất là: 450 $m^2$ đất thổ cư đã có di chúc cho anh V2; 2.531 $m^2$ đất LNK chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giao cho cụ L1 định đoạt; 8.560 $m^2$ đất trồng lúa đòi lại từ bà V cũng giao cho cụ L1 theo Biên bản thỏa thuận thi hành án giữa bà V và cụ L1, do Chi cục Thi hành án dân sự huyện T lập vào ngày 01-11-2007.

Ngày 26-12-2007, cụ L1 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng phần 2.531 $m^2$. Theo nguyện vọng của cụ T4 trước khi chết, cụ L1 tặng phần đất này cho cháu ngoại là Trần Thị Hồng Đ vào tháng 6-2012 vì chị Đ có chăm sóc cụ L1 lúc già yếu và để chị Đ ăn học. Tháng 10-2012, chị Đ chuyển nhượng đất này cho vợ chồng ông H2, bà L. Việc tặng cho và chuyển nhượng thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Ông H2, bà L đã nhận đất, được cấp giấy chứng nhận và đã sử dụng đất từ năm 2012 đến nay.

Ngày 10-3-2008, cụ L1 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng 8.560 $m^2$ đất trồng lúa. Tháng 6-2012 cụ L1 chuyển nhượng phần đất này cho cháu ngoại là Huỳnh Minh T1 và vợ của T1 là Lê Thị T3 giá 100.000.000 đồng, với điều kiện vợ chồng anh T1 phải nuôi cụ L1 đến chết và cúng giỗ cho cụ, tiền chuyển nhượng đất dùng để lo cho cụ L1. Việc chuyển nhượng được thực hiện

đúng theo quy định pháp luật, anh T1 và chị T3 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Di sản thừa kế của cụ T4, cụ L1 không còn vì đã được di chúc, tặng cho, chuyển nhượng đúng quy định pháp luật.

Vì vậy, bà không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà V, không chia thừa kế.

*Anh Huỳnh Minh T1 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn - bà Phan Thị G trình bày:*

Bà G thống nhất theo yêu cầu của bà P.

Vào năm 2012, anh và vợ là Lê Thị T3 nhận chuyển nhượng của cụ L1 8.560 $m^2$ đất, thuộc thửa số 1568, tờ bản đồ số 06, tọa lạc tại tổ 27, ấp B, xã H, huyện T, tỉnh Tây Ninh với giá 100.000.000 đồng. Đã trả tiền xong và sang tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, anh đã trồng mãng cầu được 04 năm tuổi. Việc chuyển nhượng thực hiện đúng theo quy định pháp luật, tại thời điểm chuyển nhượng cụ L1 sống chung với anh, tiền chuyển nhượng đất cụ L1 dùng trả nợ Ngân hàng thay cho bà V và trị bệnh. Vì vậy, anh không chấp nhận hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo yêu cầu của bà V, không chấp nhận chia thừa kế phần đất vợ chồng anh đang sử dụng.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - chị Lê Thị T3 trình bày:* Chị là vợ anh T1, thống nhất theo yêu cầu của anh T1.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Trần Thị Hồng Đ trình bày:* Thống nhất theo trình bày của bà P.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Huỳnh Quang V2 trình bày:*

Vào ngày 21-8-2006, cụ T4 và cụ L1 lập di chúc với nội dung: 02 cụ có sở hữu tài sản là 450 $m^2$ đất, thuộc tờ bản đồ số 54, số thửa 1574, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: 62556QSDĐ/450310 ngày 12-6-1997, tọa lạc tại tổ 4, ấp A, xã H, huyện T, tỉnh Tây Ninh, tài sản trên đất là căn nhà xây tường, lợp ngói gồm nhà chính ngang 7 m, dài 9 m; phần L nối liền ngang 4 m, dài 9 m. Sau khi qua đời sẽ cho cháu Huỳnh Quang V2 thừa hưởng, ngoài cháu V ra không để lại cho bất kỳ ai. Di chúc này được công chứng tại Phòng Công chứng Số 3, tỉnh Tây Ninh.

Sau khi cụ L1 chết, anh đến Phòng Công chứng Số 1 tỉnh Tây Ninh để làm thủ tục công khai di chúc, sau đó đăng ký sang tên và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 14-8-2015. Anh giao cho anh T1 quản lý, anh T1 đã xây, sửa nhà, xây thêm công trình phụ để ở và thờ cúng.

Di chúc lập thành 02 bản chính, Phòng Công chứng giữ 01 bản; cụ T4, cụ L1 giữ 01 bản, trước khi chết cụ L1 đã giao cho anh.

Do bà V không thừa nhận nên yêu cầu giám định chữ ký của cụ T4 trong tờ di chúc. Qua 02 lần giám định, kết quả trái ngược nhau, nhưng kết quả giám

định dấu vân tay là đúng của cụ T4 nên di chúc hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Anh không chấp nhận chia thừa kế phần đất anh đang sử dụng theo yêu cầu của bà V.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lý Cẩm H2 trình bày:*

Vào ngày 14-9-2012, ông và vợ là Lê Thị L có mua của chị Trần Thị Hồng Đ 2.531 $m^2$ đất, tọa lạc tại tổ 7, ấp A, xã H, huyện T, tỉnh Tây Ninh với giá 275.000.000 đồng, đã hoàn tất thủ tục chuyển nhượng theo quy định của pháp luật nên đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ năm 2012. Trước khi thỏa thuận việc chuyển nhượng đất, ông có hỏi ý kiến của cụ L1, lúc bấy giờ cụ L1 còn minh mẫn và đồng ý.

Việc chuyển nhượng đất giữa chị Đ và vợ chồng ông là hợp pháp, ông không chấp nhận yêu cầu của bà V về việc hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông, yêu cầu giữ nguyên hiện trạng cho vợ chồng ông sử dụng.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị L trình bày:* Bà là vợ ông H2, thống nhất theo yêu cầu của ông H2.

Tài sản tranh chấp gồm 03 phần đất, qua đo đạc, định giá xác định được như sau:

- Đất thổ cư diện tích 450 $m^2$, diện tích trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 495 $m^2$ (trong đó gồm: 400 $m^2$ đất ở và 95 $m^2$ đất LNK), thửa số 254, tờ bản đồ 46, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CS01831 ngày 14-8-2015, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh cấp, anh Huỳnh Quang V2 đứng tên, tọa lạc tại ấp A, xã H, huyện T, tỉnh Tây Ninh, tứ cận: Đông giáp đường 785 (là mặt tiền ngang 10 m); Tây giáp đất ông M, bà N; Nam giáp đất anh T1; Bắc giáp đất ông P. Trị giá 300.000.000 đồng (30.000.000 đồng/01m ngang).

Tài sản trên đất gồm: 01 nhà tường cấp 4C, 01 nhà tạm; tường rào; hàng rào. Các đương sự thống nhất tài sản trên đất là của anh T1, phần tài sản tranh chấp chỉ còn lại 02 cây cột (trong căn nhà tường cấp 4C) trị giá 10.000.000 đồng. Tài sản anh T1, chị T3 đang quản lý.

- Đất LNK diện tích 2.207,4 $m^2$, diện tích trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 2.531 $m^2$, số thửa 50, tờ bản đồ 34, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CH46854 ngày 26-10-2012, do Ủy ban nhân dân huyện T cấp, ông Lý Cẩm H2 và bà Lê Thị L đứng tên, tọa lạc tại tổ 7, ấp A, xã H, huyện T, tỉnh Tây Ninh; tứ cận: Đông giáp đất bà O, ông E, ông M1, bà A, bà L2, ông P1, ông T5; Tây giáp đất bà S; Nam giáp đường xe bò; Bắc giáp kênh H và đất ông K. Trị giá 132.444.000 đồng (60.000 đồng/$m^2$). Đất trống hiện ông H2, bà L đang sử dụng.

- Đất trồng lúa diện tích 8.709,9 $m^2$, diện tích trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 8.560 $m^2$, số thửa 1568, tờ bản đồ 06, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CH58630 ngày 27-7-2012, do Ủy ban nhân dân huyện T cấp, anh Huỳnh Minh T1 đứng tên, tọa lạc tại ấp B, xã H, huyện T, tỉnh Tây

Ninh, tứ cận: Đông giáp đất ông Chàm M; Tây giáp đất ông Chàm H; Nam giáp đất ông L3; Bắc giáp đường đất. Trị giá 609.693.000 đồng. Trên đất có 800 cây mãng cầu do anh T1 trồng, trị giá 192.000.000 đồng. Tài sản hiện anh T1 và chị T3 đang quản lý.

*Bản án Dân sự sơ thẩm số: 59/2017/DS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2017, của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Tây Ninh đã quyết định:*

Áp dụng Điều 648, 652, 653, 657, 672 của Bộ luật Dân sự năm 2005.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Kim V yêu cầu chia thừa kế tài sản và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho anh Huỳnh Minh T1 và chị Lê Thị T3 diện tích 8.560 $m^2$, thửa số 1568, tờ bản đồ số 6, cấp ngày 27-7-2012, đất tọa lạc tại xã H, huyện T, tỉnh Tây Ninh. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Lý Cẩm H2 và bà Lê Thị L, diện tích đất 2.531 $m^2$, thuộc thửa số 50, tờ bản đồ số 34, cấp ngày 26-10-2012, đất tọa lạc tại xã H, huyện T, tỉnh Tây Ninh. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho anh Huỳnh Quang V2 diện tích 495 $m^2$, thửa số 254, tờ bản đồ số 46, cấp ngày 14-8-2015, đất tọa lạc tại xã H, huyện T, tỉnh Tây Ninh.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và chi phí tố tụng khác.

Vào ngày 13-10-2017, nguyên đơn là bà Phan Kim V kháng cáo, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại việc đánh giá chứng cứ của Tòa án cấp sơ thẩm, xem xét lại tính hiệu lực của di chúc, hợp đồng tặng cho và hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất; chia di sản thừa kế theo yêu cầu khởi kiện của bà.

*Tại phiên tòa phúc thẩm:*

+ Bà V thay đổi kháng cáo, yêu cầu được chia 1/3 diện tích đất thổ cư; 1/3 của phân nữa diện tích đất trồng lúa và đất LNK. Yêu cầu chia bằng giá trị, giữ nguyên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho anh V2, anh T1, chị T3, ông H2, bà L.

+ Người đại diện theo ủy quyền của bà P là ông Bùi Phúc T2 xác định bà P không tranh chấp, không yêu cầu chia thừa kế. Chấp nhận cho anh V2 hưởng thừa kế theo di chúc, anh T1, chị T3 được sở hữu tài sản do cụ L1 chuyển nhượng, chị Đ được sở hữu tài sản do cụ L1 tặng cho. Nếu phải chia thừa kế phần di sản của cụ T4 theo quy định pháp luật thì phần bà P được chia trong phần đất anh V2 sử dụng bà cho anh V2; phần được chia trong phần đất chuyển nhượng cho anh T1, chị T3 thì cho anh T1, chị T3; phần được chia trong phần đất tặng cho chị Đ thì cho chị Đ.

+ Anh Huỳnh Minh T1 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cũng là người đại diện theo ủy quyền của bà Phan Thị G, chị Lê Thị T3 trình bày:

Yêu cầu của bà G giống như yêu cầu của bà P mà ông T2 đã trình bày tại phiên tòa phúc thẩm. Anh thống nhất theo yêu cầu của bà P và bà G.

Anh và chị T3 không chấp nhận giao trả phần đất cụ L1 chuyển nhượng để chia thừa kế. Nếu Tòa án buộc phải giao trả thì yêu cầu những người thuộc

hàng thừa kế thứ nhất của cụ T4 và cụ L1 phải bồi thường cho vợ chồng anh giá trị đất và tài sản trên đất theo giá thị T4, tại thời điểm xét xử.

+ Chị Đ thống nhất theo yêu cầu của bà P và bà G.

+ Chị Đ và anh T1 chấp nhận giao cho bà V 70.000.000 đồng nếu bà V đồng ý thỏa thuận.

+ Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Phan Kim V trình bày:

Phần 450 $m^2$ đất thổ cư: Di chúc ngày 21-8-2006, do anh V2 cung cấp tuy có công chứng nhưng không có giá trị pháp lý vì trình tự, thủ tục không đúng, trong 02 người làm chứng có ông Phạm Văn Đ 62 tuổi, theo quy định của Pháp lệnh Người cao tuổi thì người này thuộc diện người cao tuổi nên không được ký tên làm chứng di chúc; người làm chứng thứ II là bà Nguyễn Thị K khai không phải chữ ký của bà; chữ ký "T4" trong tờ di chúc, qua giám định kết luận là không phải do cụ T4 ký, anh V2 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo tờ di chúc này là không đúng. Yêu cầu chia cho bà V 1/3 giá trị đất.

Việc cụ L1 tự ý chuyển nhượng đất cho anh T1, chị T3; tặng cho đất cho chị Đ khi cụ T4 đã chết, đã phát sinh quyền thừa kế của bà V, bà G, bà P nhưng không được sự đồng ý của những người này là không đúng nên chỉ chấp nhận cho cụ L1 được chuyển nhượng phân nữa diện tích đất, yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với phân nữa diện tích còn lại là di sản của cụ T4, cho bà V 1/3 giá trị.

+ Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Lý Cẩm H2 và bà Lê Thị L, anh Huỳnh Minh T1, chị Lê Thị T3, anh Huỳnh Quang V2 trình bày:

Di chúc do cụ L1 và cụ T4 lập là hoàn toàn hợp lệ, pháp luật không cấm người trên 60 tuổi làm chứng di chúc, chữ ký của cụ T4 có thể thay đổi theo thời gian nên việc giám định không do cụ T4 ký ra không phải là yếu tố quyết định tính hiệu lực của di chúc, di chúc có giá trị khi được công chứng và có dấu vân tay của cụ T4 và cụ L1.

Hợp đồng chuyển nhượng đất cho anh T1, tặng cho đất cho chị Đ là hoàn toàn hợp lệ vì tại thời điểm chuyển nhượng, tặng cho, cụ L1 là người đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, không cần thiết phải có chữ ký của các con cụ T4. Yêu cầu giữ nguyên cho anh V2; anh T1, chị T3; ông H2, bà L sử dụng đất.

Trong quá trình xét xử phúc thẩm, chị Đ, anh T1 chấp nhận giao cho bà V 70.000.000 đồng nhưng bà V không đồng ý nên yêu cầu Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà V, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

*Ý kiến của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:*

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục tố tụng; những người tham gia tố tụng chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà V về việc yêu cầu chia thừa kế phần đất thổ cư anh V2 đã nhận theo di chúc. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà V về việc yêu cầu chia thừa kế đất trồng lúa và đất LNK; chia cho bà V được hưởng phần thừa kế của cụ T4 trong ½ diện tích đất mà cụ L1 đã chuyển nhượng cho anh T1 và tặng cho chị Đ, chia bằng giá trị, giữ nguyên hiện trạng đất cho anh T1, chị T3 và ông H2, bà L sử dụng. Anh T1, chị T3, chị Đ có nghĩa vụ thanh toán cho bà V giá trị tài sản bà V được chia.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, xét thấy:*

[1] Về việc xác định người thừa kế: Căn cứ theo quy định tại Điều 676 của Bộ luật Dân sự năm 2005 thì những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ T4 tại thời điểm cụ T4 chết gồm: Cụ L1, bà G, bà P, bà V. Những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ Phan Văn T4 và cụ Trần Thị L1 tại thời điểm cụ L1 chết gồm: Bà Phan Thị G, bà Phan Kim P, bà Phan Kim V.

[2] Xét kháng cáo của bà Phan Kim V, thấy rằng:

- Đối với 450 $m^2$ đất thổ cư và nhà trên đất: Cụ T4 và cụ L1 đã lập di chúc cho anh Huỳnh Quang V2 vào ngày 21-8-2006. Cụ T4, cụ L1 không tự viết được nên nhờ anh Lê Minh T viết và có 02 người ký tên làm chứng là phù hợp theo quy định tại Điều 656 của Bộ luật Dân sự. Người làm chứng I là ông Phạm Văn Đ đã chết; người làm chứng II là bà Nguyễn Thị K khai chữ ký và dấu vân tay trong Tờ di chúc ngày 21-8-2006 không phải là chữ ký của bà mà bà ký vào bản di chúc khác nhưng cũng với nội dung là cụ T4 và cụ L1 di chúc toàn bộ phần nhà và đất này cho anh V2. Mặt khác, di chúc đã được công chứng tại phòng công chứng theo yêu cầu của cụ T4 và cụ L1, có giấy chứng nhận sức khỏe của 02 cụ kèm theo, tuy chữ ký không đúng nhưng dấu vân tay đúng là của 02 cụ. Bà V cho rằng 02 cụ bị cưỡng ép lập di chúc nhưng không có chứng cứ chứng minh. Luật sư bảo vệ quyền lợi của bà V cho rằng khi ký tên làm chứng ông Đ là người cao tuổi không được làm chứng di chúc là không có căn cứ, không đúng theo quy định tại Điều 654 của Bộ luật Dân sự năm 2005.

Nội dung di chúc phù hợp với lời khai của bà P, bà G, người viết hộ là anh T và người ký tên làm chứng là bà K. Anh V2 thực hiện thủ tục nhận tài sản thừa kế và sang tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bà V không ngăn cản. Ngày 21-12-2012, bà V gửi đơn khiếu nại tại các cơ quan chức năng của huyện T, yêu cầu ngăn chặn việc cụ L1 sang tên đất cho anh T1 và chị Đ, hoàn toàn không thắc mắc, khiếu nại việc anh V2 hưởng thừa kế theo tờ di chúc này. Vì vậy, phần đất 450 $m^2$ anh V2 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và 02 cây cột trị giá 10.000.000 đồng là di sản thừa kế của cụ T4 và cụ L1 để lại cho anh V2 hưởng theo di chúc, di chúc có hiệu lực kể từ khi cụ L1 chết, anh V2 đã thực hiện xong thủ tục nhận di sản, không phải là di sản của cụ T4 và cụ L1 để lại chưa chia. Bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà V là có căn cứ, bà V kháng cáo yêu cầu chia là không có căn cứ.

- Đối với diện tích 2.207,4 $m^2$ đất LNK: Tuy chỉ một mình cụ L1 đứng tên nhưng theo hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của cụ L1, do Văn phòng Đăng ký đất đai, Chi nhánh huyện T và Ủy ban nhân dân xã H, huyện T cung cấp thể hiện: Nguồn gốc đất là của cụ T4 và cụ L1 có từ năm 1979, cụ T4 kê khai đăng ký nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì cụ chết, sau đó cụ L1 tiếp tục yêu cầu và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, vấn đề này chính cụ L1 cũng thừa nhận trong "Tờ cam kết" ghi ngày 10-9-2007 của cụ L1 gửi Ủy ban nhân dân xã H. Đã có đủ căn cứ xác định phần đất LNK mà cụ L1 tặng cho chị Đ vào năm 2012 là tài sản chung của cụ T4 và cụ L1.

Cụ T4 chết năm 2007, phát sinh quyền thừa kế của các con cụ T4, trong đó có bà V. Việc cụ L1 tặng cho chị Đ không có sự đồng ý của những người con của cụ T4 là không đúng theo quy định tại Điều 633, 639 của Bộ luật Dân sự năm 2005.

Cụ T4 không có di chúc, bà P khai trước khi chết cụ T4 có viết giấy ủy quyền cho cụ L1 toàn quyền quyết định tài sản chung nhưng không có chứng cứ chứng minh, bà V không thừa nhận. Cụ L1 chỉ được định đoạt phần tài sản của cụ L1 trong khối tài sản chung với cụ T4 là ½ diện tích đất và phần thừa kế của cụ L1 được hưởng của cụ T4 là ¼ của phân nữa diện tích đất còn lại. Phần còn lại là di sản thừa kế của cụ T4, những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ T4 là bà V, bà P, bà G được hưởng, theo quy định tại Điều 675 của Bộ luật Dân sự năm 2005.

Lẽ ra, Tòa án cấp sơ thẩm phải thu thập hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của cụ L1 để xác định phần đất này là tài sản riêng của cụ L1 hay tài sản chung với cụ T4, từ đó xác định tính hiệu lực của hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa cụ L1 và chị Đ mà chỉ căn cứ vào việc cụ L1 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và xác định là đã tặng cho xong, không còn là di sản thừa kế là thu thập chứng cứ chưa đầy đủ, đánh giá chứng cứ chưa đúng, bà V kháng cáo yêu cầu chia là có căn cứ. Bà V, bà P, bà G mỗi người được chia ¼ của phân nữa diện tích đất cụ L1 tặng cho chị Đ.

Do đất đã được chị Đ chuyển nhượng cho ông H2, bà L từ năm 2012, tại phiên tòa phúc thẩm, bà V yêu cầu chia bằng giá trị, không yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông H2, bà L nên không cần thiết phải tuyên bố hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất của cụ L1 với chị Đ và hợp đồng chuyển nhượng giữa chị Đ với ông H2, bà L vô hiệu mà chỉ buộc chị Đ thanh toán cho bà V bằng giá trị, ông H2 và bà L được tiếp tục sử dụng đất là phù hợp.

- Tương tự như trên, đối với diện tích 8.709,9 $m^2$ đất trồng lúa, cụ L1 chuyển nhượng cho anh T1, chị T3 chỉ có hiệu lực pháp luật đối với phần của cụ L1 và phần cụ L1 hưởng thừa kế của cụ T4, diện tích còn lại là di sản thừa kế của cụ T4. Bà V, bà P, bà G được chia theo quy định pháp luật.

Anh T1 khai, tiền chuyển nhượng đất cụ L1 dùng trả nợ Ngân hàng thay cho bà V và trị bệnh nhưng không có chứng cứ chứng minh, bà V không thừa nhận.

Lẽ ra, Tòa án cấp sơ thẩm phải tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa cụ L1 và anh T1, chị T3 là vô hiệu, xử lý hậu quả hợp đồng vô hiệu và chia thừa kế theo quy định pháp luật nhưng lại không chấp nhận yêu cầu của bà V là không có căn cứ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà V yêu cầu chia bằng giá trị, không yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho vợ chồng anh T1 nên không cần thiết phải tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa cụ L1 và anh T1, chị T3 vô hiệu mà chỉ buộc anh T1, chị T3 thanh toán cho bà V bằng giá trị, anh T1, chị T3 tiếp tục sử dụng đất là phù hợp.

[3] Bà P và bà G cho anh T1, chị T3 phần thừa kế của mình được chia trong phần đất cụ L1 chuyển nhượng cho anh T1, chị T3; cho chị Đ phần thừa kế của mình được chia trong phần đất cụ L1 tặng cho chị Đ nên anh T1, chị T3, chị Đ được hưởng mà không phải thanh toán cho bà P, bà G.

[4] Cụ L1 chuyển nhượng cho anh T1, chị T3 cả phần di sản của cụ T4, dẫn đến hậu quả anh T1, chị T3 phải thanh toán giá trị phần thừa kế được chia cho bà V là lỗi của cụ L1 nhưng cụ L1 không còn di sản nên những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất không phải thực hiện nghĩa vụ về tài sản do cụ L1 để lại theo quy định tại khoản 1 Điều 637 của Bộ luật Dân sự. Anh T1 yêu cầu những người thừa kế của cụ L1 bồi thường là không có căn cứ.

[5] Bà V yêu cầu được chia 1/3 của phân nữa diện tích đất tặng cho chị Đ và đất chuyển nhượng cho anh T1, chị T3 là không đúng mà chỉ được chia ¼.

[6] Từ những phân tích trên:

- Không có căn cứ chấp nhận phần kháng cáo của bà V yêu cầu chia thừa kế 450 $m^2$ đất thổ cư do anh V2 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo di chúc của cụ T4 và cụ L1 để lại.

- Có căn cứ chấp nhận một phần kháng cáo của bà V đối với diện tích 8.709,9 $m^2$ đất trồng lúa do anh T1, chị T3 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng và 2.207,4 $m^2$ đất LNK do chị Đ chuyển nhượng cho ông H2, bà L đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng.

Bà V, bà P, bà G được chia di sản thừa kế của cụ T4 để lại mỗi người ¼ giá trị của phân nữa diện tích 02 phần đất nêu trên, cụ thể là:

+ Diện tích 8.560 $m^2$ đất trồng lúa có diện tích thực tế 8.709,9 $m^2$, giá 70.000 đồng/$m^2$, được chia như sau: 8.709,9 $m^2$ x 70.000 đồng/$m^2$ = 609.693.000 đồng : 2 = 304.846.500 đồng : 4 = 76.211.625 đồng, tính tròn số là 76.212.000 đồng. Phần của bà P và bà G được chia mỗi người 76.212.000 đồng, tổng cộng là 152.424.000 đồng giao cho anh T1, chị T3 được hưởng nên anh T1, chị T3 không phải thanh toán. Anh T1 và chị T3 có nghĩa vụ thanh toán cho bà V 76.212.000 đồng.

+ Diện tích 2.531 $m^2$ đất LNK có diện tích thực tế 2.207,4 $m^2$, giá 60.000 đồng/$m^2$, được chia như sau: 2.207,4 $m^2$ x 60.000 đồng/$m^2$ = 132.444.000 đồng : 2 = 66.222.000 đồng : 4 = 16.555.500 đồng. Phần của bà P và bà G được chia

mỗi người 16.555.500 đồng, cộng lại là 33.111.000 đồng giao cho chị Đ được hưởng nên chị Đ không phải thanh toán. Chị Đ có nghĩa vụ thanh toán cho bà V 16.555.500 đồng.

Bà V được chia tổng cộng là 92.767.500 đồng.

[7] Đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ.

[8] Xét yêu cầu của Luật sư bảo vệ quyền lợi và lợi ích hợp pháp cho các đương sự, thấy rằng:

- Luật sư bảo vệ quyền lợi của bà V yêu cầu hủy Di chúc của cụ T4 và cụ L1 lập ngày 21-8-2006, chia thừa kế phần 450 $m^2$ đất thổ cư anh V2 đang sử dụng là không có căn cứ; yêu cầu chia cho bà V được hưởng thừa kế của cụ T4 trong khối tài sản chung của cụ T4 với cụ L1 gồm ½ diện tích 2.207,4 $m^2$ đất LNK và ½ diện tích 8.709,9 $m^2$ đất trồng lúa là có căn cứ.

- Luật sư bảo vệ quyền lợi của anh T1, chị T3, anh V2, ông H2, bà L yêu cầu Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà V về việc chia thừa kế phần đất anh V2 đã hưởng theo di chúc là có căn cứ; đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu của bà V về việc chia thừa kế của cụ T4 trong khối tài sản chung với cụ L1 là 2.207,4 $m^2$ đất LNK và 8.709,9 $m^2$ đất trồng lúa là không có căn cứ.

[9] Về chi phí tố tụng khác:

- Chi phí giám định lần I và II tại Phòng Kỹ thuật hình sự Công an Tây Ninh, đối với chữ ký và dấu vân tay của cụ T4, bà V phải chịu theo quy định tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2005, với số tiền 5.220.000 đồng. Trong đó bà V đã nộp 2.840.000 đồng; phải nộp trả cho chị Đ 2.380.000 đồng.

- Chi phí giám định tại Phân viện Kỹ thuật hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh, đối với chữ ký của cụ T4 thì anh V2 phải chịu theo quy định tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2005, với số tiền 4.820.000 đồng, nộp trả cho bà V.

- Chi phí đo đạc, định giá: Theo quy định tại khoản 5 Điều 142 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2005 thì:

+ Bà V phải chịu chi phí đo đạc, định giá phần đất của anh V2, với số tiền 3.000.000 đồng. Phải chịu chi phí đo đạc, định giá tương ứng với phần giá trị di sản được chia trong phần đất cụ L1 chuyển nhượng cho anh T1 và phần đất tặng cho chị Đ, với số tiền 2.460.326 đồng, đã nộp xong.

+ Anh T1, chị T3 phải chịu chi phí đo đạc, định giá đối với giá trị di sản mà bà G, bà P được chia và cho anh T1, chị T3 được hưởng, với số tiền là 4.042.518 đồng, nộp trả cho bà V.

+ Chị Đ phải chịu chi phí đo đạc, định giá đối với giá trị di sản của bà G, bà P được chia và cho chị Đ được hưởng, với số tiền là 878.154 đồng, nộp trả cho bà V.

[10] Về án phí:

- Án phí sơ thẩm:

+ Bà V phải chịu án phí đối với phần thừa kế được chia theo quy định tại khoản 7 Điều 27 của Pháp lệnh Án phí, lệ phí Tòa án, cụ thể là: 92.767.500 đồng x 5% = 4.638.000 đồng.

+ Anh T1, chị T3 phải chịu án phí đối với phần di sản bà G, bà P được chia và cho anh T1, chị T3 được hưởng, cụ thể là: 152.424.000 đồng x 5% = 7.600.000 đồng.

+ Chị Đ phải chịu án phí đối với phần di sản bà G, bà P được chia và cho chị Đ được hưởng, cụ thể là: 33.111.000 đồng x 5% = 1.655.500 đồng.

- Án phí phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của bà V được chấp nhận nên theo quy định tại khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về án phí, lệ phí Tòa án, bà V không phải chịu.

Vì các lẽ trên;

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 138; khoản 5 Điều 142 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2005; Điều 652, 658, 675, 676 của Bộ luật Dân sự năm 2005; khoản 7 Điều 27 của Pháp lệnh Án phí, lệ phí Tòa án; khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

**1.** Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bà Phan Kim V.

**2.** Sửa Bản án Dân sự sơ thẩm số: 59/2017/DS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2017, của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Tây Ninh.

2.1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Kim V đối với anh Huỳnh Quang V2 về việc yêu cầu chia thừa kế tài sản của cụ Phan Văn T4 đối với 450 $m^2$ đất thổ cư và đất LNK, diện tích trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 495 $m^2$ (trong đó gồm: 400 $m^2$ đất ở và 95 $m^2$ đất LNK), thửa 254, tờ bản đồ số 46, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CS01831 ngày 14-8-2015, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh cấp, anh Huỳnh Quang V2 đứng tên, tọa lạc tại ấp A, xã H, huyện T, tỉnh Tây Ninh, tứ cận: Đông giáp đường 785; Tây giáp đất ông M, bà N; Nam giáp đất anh T1; Bắc giáp đất ông P và số tiền 10.000.000 (mười triệu) đồng giá trị 02 cây cột nhà.

2.2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Kim V đối với anh Huỳnh Minh T1, chị Lê Thị T3 về việc yêu cầu chia thừa kế tài sản của cụ Phan Văn T4 đối với giá trị ½ diện tích 8.709,9 $m^2$ đất trồng lúa (diện tích trong giấy chứng nhận quyền sử dụng là 8.560 $m^2$), thửa 1568, tờ bản đồ 06, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CH58630 ngày 27-7-2012, do Ủy ban nhân dân huyện T cấp, anh Huỳnh Minh T1 và chị Lê Thị T3 đứng tên, tọa lạc tại ấp B, xã H, huyện T, tỉnh Tây Ninh, tứ cận: Đông giáp đất ông Chàm M; Tây giáp đất ông Chàm H; Nam giáp đất ông L3; Bắc giáp đường đất.

Bà Phan Kim V được chia bằng giá trị, với số tiền 76.212.000 đồng, anh Huỳnh Minh T1 và chị Lê Thị T3 có nghĩa vụ thanh toán cho bà Phan Kim V.

Anh Huỳnh Minh T1, chị Lê Thị T3 được hưởng 152.424.000 (một trăm năm mươi hai triệu, bốn trăm hai mươi bốn nghìn) đồng giá trị phần thừa kế của bà Phan Kim P và bà Phan Thị G được chia, không phải thanh toán cho bà Phan Kim P và bà Phan Thị G.

Anh Huỳnh Minh T1 và chị Lê Thị T3 được tiếp tục sử dụng phần đất nêu trên và được sở hữu toàn bộ tài sản trên đất.

2.3. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Kim V đối với chị Trần Thị Hồng Đ về việc yêu cầu chia thừa kế tài sản của cụ Phan Văn T4 đối với giá trị ½ diện tích 2.207,4 $m^2$ đất LNK (diện tích trong giấy chứng nhận quyền sử dụng là 2.531 $m^2$), thửa 50, tờ bản đồ 34, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CH46854 ngày 26-10-2012, do Ủy ban nhân dân huyện T cấp, ông Lý Cẩm H2 và bà Lê Thị L đứng tên, tọa lạc tại tổ 7, ấp A, xã H, huyện T, tỉnh Tây Ninh, tứ cận: Đông giáp đất bà O, ông E, ông M1, bà A, bà L2, ông P1, ông T5; Tây giáp đất bà S; Nam giáp đường xe bò; Bắc giáp kênh H và đất ông K.

Bà Phan Kim V được chia bằng giá trị với số tiền 16.555.500 đồng, chị Trần Thị Hồng Đ có nghĩa vụ thanh toán cho bà Phan Kim V.

Chị Trần Thị Hồng Đ được hưởng 33.111.000 đồng (ba mươi ba triệu, một trăm mười một nghìn) đồng giá trị phần thừa kế của bà Phan Kim P và bà Phan Thị G được chia, không phải thanh toán cho bà Phan Kim P và bà Phan Thị G.

Ông Lý Cẩm H2 và bà Lê Thị L được tiếp tục sử dụng diện tích đất nêu trên.

2.4. Về chi phí tố tụng khác:

- Chi phí giám định:

+ Bà Phan Kim V phải chịu 5.220.000 (hai triệu, hai trăm hai mươi nghìn) đồng chi phí giám định lần I và II tại Phòng Kỹ thuật hình sự Công an Tây Ninh đối với chữ ký và dấu vân tay của cụ T4. Trong đó bà V đã nộp 2.840.000 đồng; phải nộp trả cho chị Trần Thị Hồng Đ 2.380.000 (hai triệu, ba trăm tám mươi nghìn) đồng;

+ Anh Huỳnh Quang V2 phải chịu 4.820.000 (bốn triệu, tám trăm hai mươi nghìn) đồng chi phí giám định lần III tại Phân viện Kỹ thuật hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh đối với chữ ký của cụ T4, nộp trả cho bà Phan Kim V.

- Về chi phí đo đạc, định giá:

+ Bà Phan Kim V phải chịu 5.460.326 (năm triệu, bốn trăm sáu mươi nghìn, ba trăm hai mươi sáu) đồng, đã nộp xong;

+ Anh Huỳnh Minh T1 và chị Lê Thị T3 phải chịu 4.042.518 (bốn triệu, bốn mươi hai nghìn, năm trăm mười tám) đồng, nộp trả cho bà Phan Kim V;

+ Chị Trần Thị Hồng Đ phải chịu 878.154 (tám trăm bảy mươi tám nghìn, một trăm năm mươi bốn) đồng, nộp trả cho bà Phan Kim V.

2.5. Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành, nếu người phải thi hành án chưa thi hành xong số tiền như đã nêu trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả cho người được thi hành án tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2.6. Về án phí sơ thẩm:

+ Bà Phan Kim V phải chịu 4.638.000 đồng, được trừ vào 3.400.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo các Biên lai thu số: 0007881, 0007882 cùng ngày 20-7-2015; số 0023324 ngày 01-8-2016 và 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu số: 0024775 ngày 18-10-2017, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Tây Ninh. Số tiền còn lại phải nộp là 938.000 (chín trăm ba mươi tám nghìn) đồng;

+ Anh Huỳnh Minh T1 phải chịu 7.600.000 (bảy triệu, sáu trăm nghìn) đồng;

+ Chị Trần Thị Hồng Đ phải chịu 1.655.500 (một triệu, sáu trăm, năm lươi lăm nghìn, năm trăm) đồng.

**3.** Về án phí phúc thẩm: Bà Phan Kim V không phải chịu.

**4.** Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

**5.** Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***
- VKSND.TTN;
- TAND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Phòng KTNV. TAT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đặng Thị Đồng**